

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Nghĩa và Bà Trần Thị Ngọc Lan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị D, sinh năm: 1996; địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Đức T, sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, Đơn xin giải quyết vắng mặt và bản tự khai, nguyên đơn chị Nông Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đức T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 11 tháng 5 năm 2020. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, khó khăn về kinh tế, cuộc sống luôn áp lực nên anh T bỏ

đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian sau, do công việc bận rộn, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình đã nhiều lần can thiệp nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng và kéo dài, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Trần Đức T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thùy D1, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2019, hiện đang ở với bà nội; nguyện vọng của chị sau ly hôn là giao con chung cho anh Trần Đức T chăm sóc nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, anh Trần Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thị D kết hôn tự nguyện, thời gian và địa điểm kết hôn như chị D trình bày ở trên. Sau kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022, vì lý do kinh tế nên anh đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Thời gian sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng và gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành và mức độ mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án cho ly hôn với chị Nông Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con như chị D trình bày ở trên; nguyện vọng của anh sau ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện do công việc không ổn định, thường xuyên đi làm ăn xa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, đều có Đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Trần Thùy D1, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2019 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc chị D cấp dưỡng nuôi con cho anh T với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi; các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Nông Thị D có đơn yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Đức T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Tại đơn xin ly hôn, nguyên đơn xác định bị đơn có nơi đăng ký cư trú tại thôn D, xã T, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay tại quận B, Đà Loan, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

Về thủ tục tố tụng: Theo kết quả của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q thì ông Trần Đức T đã nhập cảnh về Việt Nam vào ngày 23/6/2025, trước thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và Tòa án ra Thông báo thụ lý; do đó, vụ án được giải quyết theo thủ tục thông thường.

Về sự vắng mặt của đương sự: Đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người được xác định là hoàn toàn hợp pháp. Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống ly thân nhau. Anh, chị đều xác định tình cảm không còn và mong muốn Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Từ đó có căn cứ khẳng định mâu thuẫn giữa chị D và anh T là có thật, làm cho hôn nhân hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, xử cho chị D được ly hôn với anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh T1 yêu cầu được nuôi con, chị D đồng ý giao con chung cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; căn cứ vào các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Trần Thùy D1, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2019 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, số tiền chị D tự nguyện cấp dưỡng bằng số tiền anh T1 yêu cầu chị D cấp dưỡng nên cần ghi nhận để buộc chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T1 số tiền 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp Điều 116 Luật

Hôn nhân và gia đình. Do các đương sự không đưa ra thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên cần buộc anh chị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T1 từ khi xét xử sơ thẩm tháng 9 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nông Thị D chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; số tiền án phí còn lại 300.000 đồng buộc chị D chịu để sung vào ngân sách nhà nước.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nông Thị D, xử cho chị Nông Thị D được ly hôn với anh Trần Đức T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Thùy D1, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2019 cho anh Trần Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Nông Thị D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị D có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trần Đức T với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp

dưỡng từ tháng 9 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí: Chị Nông Thị D chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 3000.000 đồng cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005520 ngày 11 tháng 7 năm 2025. Số tiền án phí còn lại 300.000 đồng buộc chị D chịu để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 3;
- Cơ quan THA tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Trung Thuần, t. Quảng Trị (GCNKH số 17 ngày 11/5/2020) ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Anh Đức